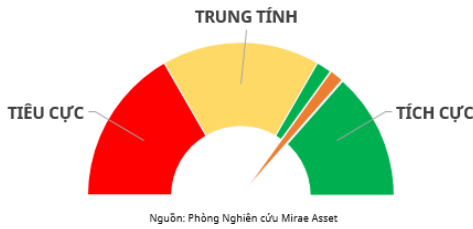


25 Tháng Năm 2022

Thang đo sức mạnh thị trường



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

## Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,268.43	2.84	-3.24	-3.07
HNX	314.91	2.93	-6.69	4.42
UPCOM	94.78	1.78	-4.78	14.32
MSCI EM	1,016.99	-1.69	-2.78	-24.41
NIKKEI	26,677.80	-0.26	0.33	-6.57
HANG SENG	20,171.27	0.29	1.52	-30.23
KOSPI	2,617.22	0.44	-1.50	-17.47
FTSE	7,501.96	0.24	1.65	6.72
S&P 500	3,941.48	-0.81	-8.25	-5.89
NASDAQ	11,264.45	-2.35	-13.38	-17.52

## Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.64	2.14	15.93
SET INDEX	18.10	1.19	9.20
JCI INDEX	16.33	2.09	13.02
PCOMP INDEX	18.94	1.62	8.95

## Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.36	-1	14	124
10 năm	3.12	0	8	81

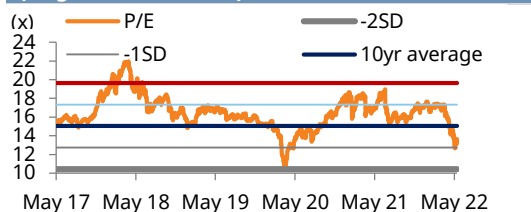
## Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,199	-0.04	-1.01	-0.62
US\$/KRW	1,265	0.15	-1.19	-11.27
US\$/JPY	127	-0.11	0.92	-14.33
US\$/EUR	0.94	0.57	0.34	14.76
US\$/GBP	0.80	0.05	1.71	12.96
US\$/SGD	1.38	-0.24	-0.07	-3.58

## Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	517	615	976
HNX	72	69	132
UPCOM	31	31	74

## Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



## Nhận định thị trường

### Đà phục hồi mạnh mẽ

Tiếp nối phiên tăng điểm tốt hôm qua, đà phục hồi của VN-Index trở nên rõ nét hơn trong phiên hôm nay khi xu hướng tăng điểm của VN-Index diễn ra xuyên suốt cả phiên. Mở đầu phiên có đôi chút giằng co, nhưng sau đó rất nhanh chóng, lực mua ở vùng giá cao xuất hiện liên tục củng cố cho xu hướng vững chắc trong ngày của thị trường. Vì thế VN-Index đóng cửa hôm nay ở giá cao nhất-1.268 điểm, tăng 35 điểm, tương ứng 2,8% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 16.574 tỷ đồng, HNX: 2.179 tỷ đồng, UPCOM: 987 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm mạnh với sự dẫn dắt đến từ Blue-chip, khi nhóm này chiếm gần 40% giá trị thanh khoản toàn sàn HOSE với 27/30 mã tăng điểm, nổi trội nhất là FPT và PNJ tăng trần trong phiên. Nhìn chung với phiên tăng điểm mạnh như hôm nay gần như toàn bộ các nhóm ngành đều duy trì sắc xanh, những nhóm ngành như Thủy sản, Phân bón, Bán lẻ dẫn đầu khi cổ phiếu chạm trần và chuyển sắc tím.

Khối ngoại hôm nay mua bán gần như cân bằng khi giá trị mua ròng không đáng kể, chỉ 40 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm mạnh và điểm số kỹ thuật tăng mạnh. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay trở lại mức +4, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,6x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

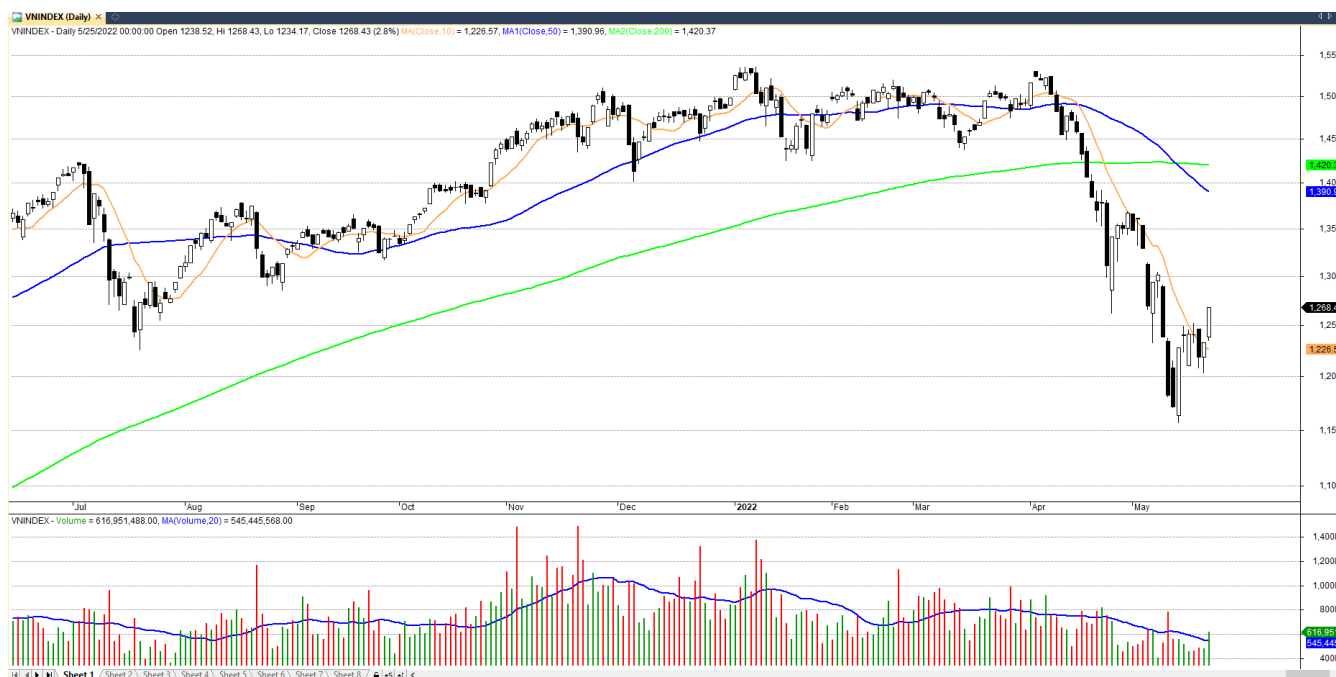
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (25/05/2022)	Kháng cự 1	<b>1.260</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.300</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.150</b>

Phiên tăng điểm mạnh kèm theo thanh khoản được cải thiện. Trước mắt, VN-Index có xu hướng kiểm định các ngưỡng kháng cự ngắn hạn.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



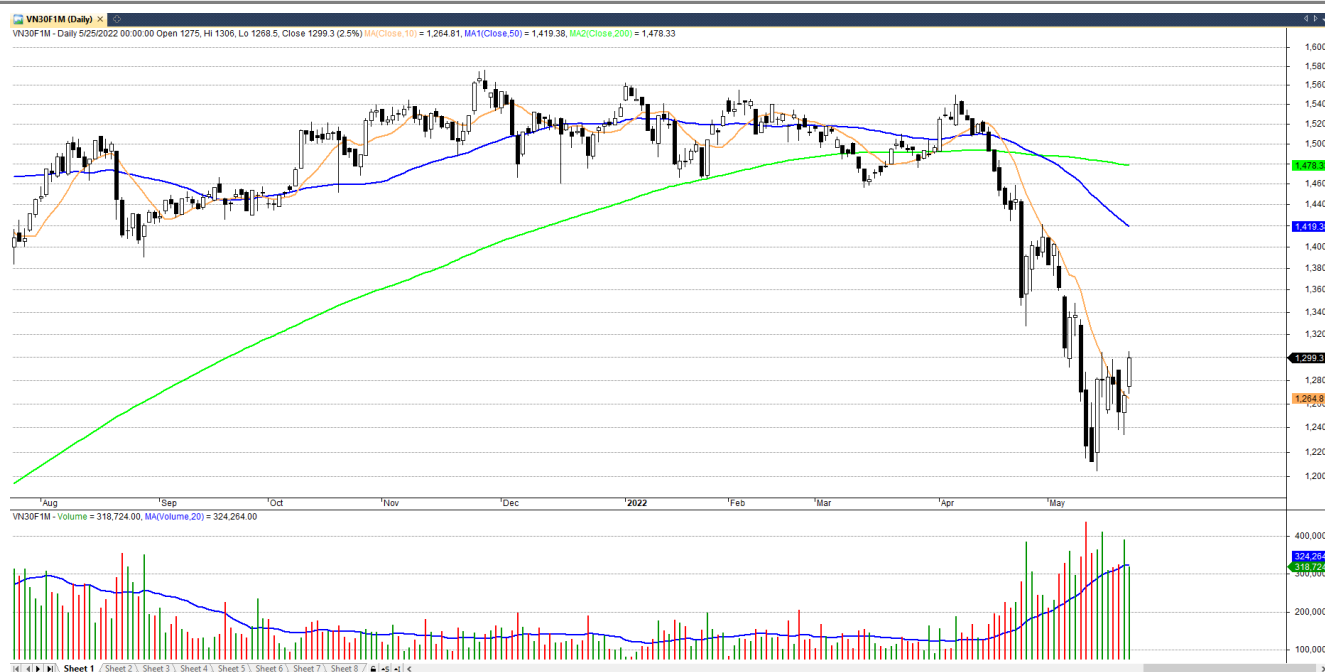
## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (25/05/2022)	1.299	Kháng cự 1 <b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2 <b>1.450</b>
VN30 - đóng cửa	1.310	Hỗ trợ 1 <b>1.260</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-11,4</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.200</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>+4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>+4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>+4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>

Mở phiên trong vùng xanh, từ đó VN30F1M xác lập xu hướng 1 chiều tăng trong ngày. Toàn bộ điểm kỹ thuật đã chuyển sang mức khả quan.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DIG	60.1	8,786,450	7	KHẢ QUAN	30,043	28.4	4.0	528
DGC	228.5	1,522,280	7	KHẢ QUAN	39,092	12.1	5.4	348
PVS	29.2	11,715,600	7	KHẢ QUAN	13,957	20.7	1.2	342
CEO	44.2	4,898,705	7	KHẢ QUAN	11,374	77.5	3.7	217
DCM	36.45	5,547,330	7	KHẢ QUAN	19,297	6.5	2.2	202
BSR	24.9	7,185,880	7	KHẢ QUAN	77,202	11.8	2.1	179
IDC	53	3,282,640	7	KHẢ QUAN	15,900	24.2	3.8	174
KBC	43.8	3,854,585	7	KHẢ QUAN	25,216	37.9	1.7	169
PVD	22	6,942,260	7	KHẢ QUAN	11,118	195.7	0.8	153
SHS	18.2	8,079,445	7	KHẢ QUAN	7,936	5.9	1.4	147
VCI	39	3,628,925	7	KHẢ QUAN	12,987	8.0	1.8	142
BCG	21.85	6,220,825	7	KHẢ QUAN	10,997	9.9	1.7	136
CII	22.65	5,562,135	7	KHẢ QUAN	5,713	17.9	1.1	126
HBC	21.75	4,806,370	7	KHẢ QUAN	5,343	48.6	1.4	105
HUT	29.2	3,281,705	7	KHẢ QUAN	10,180	55.6	2.6	96
PNJ	115.4	670,960	7	KHẢ QUAN	27,969	21.2	3.5	77
KDC	54.6	1,348,805	7	KHẢ QUAN	13,739	22.4	2.1	74
HDB	25.65	2,794,300	7	KHẢ QUAN	51,613	8.0	1.7	72
PVT	20.65	3,429,225	7	KHẢ QUAN	6,683	9.9	1.2	71
LCG	15.6	3,493,435	7	KHẢ QUAN	2,690	13.6	1.1	54
IDJ	21.4	2,339,770	7	KHẢ QUAN	3,146	13.3	1.8	50
PVC	23.6	1,808,925	7	KHẢ QUAN	1,180	546.2	1.6	43
APS	21.2	1,771,385	7	KHẢ QUAN	1,760	2.8	1.2	38
DPM	58.8	5,271,315	5	KHẢ QUAN	23,010	4.6	1.9	310
FPT	105	2,551,920	5	KHẢ QUAN	95,991	20.4	5.0	268
MBB	28.05	8,916,745	5	KHẢ QUAN	105,982	7.7	1.7	250
VNM	71.9	2,248,650	5	KHẢ QUAN	150,268	16.4	4.7	162
SHB	15.2	10,446,585	5	KHẢ QUAN	40,536	6.3	1.1	159
CTG	26.9	5,048,160	5	KHẢ QUAN	129,275	10.5	1.3	136
VRE	29.45	4,262,945	5	KHẢ QUAN	66,920	73.5	2.2	126
HCM	24	4,052,200	5	KHẢ QUAN	10,973	9.2	1.4	97
DGW	119.8	736,505	5	KHẢ QUAN	10,854	13.9	5.3	88
IDI	23.75	3,712,065	5	KHẢ QUAN	5,407	17.1	1.7	88
ASM	18.45	4,594,935	5	KHẢ QUAN	6,209	8.9	1.2	85
LPB	15.2	5,532,330	5	KHẢ QUAN	22,855	6.9	1.2	84

HDC	60.9	1,334,070	5	KHẢ QUAN	5,266	15.8	3.5	81
CTR	82.8	914,025	5	KHẢ QUAN	7,694	19.6	5.5	76
HDG	48.45	1,168,245	5	KHẢ QUAN	9,876	9.4	2.1	57
FCN	17.8	2,995,365	5	KHẢ QUAN	2,802	49.9	1.1	53
AAA	12.6	4,114,090	5	KHẢ QUAN	4,113	12.8	0.9	52
KSB	34	1,418,220	5	KHẢ QUAN	2,594	12.1	1.4	48
GVR	25.35	1,777,820	5	KHẢ QUAN	101,400	23.1	2.0	45
PET	39.55	892,455	5	KHẢ QUAN	3,553	12.4	1.9	35
STB	22.75	18,805,144	4	KHẢ QUAN	42,889	10.9	1.2	428
TCB	36.5	7,714,500	4	KHẢ QUAN	128,148	6.7	1.3	282
MWG	139	1,441,140	4	KHẢ QUAN	101,751	19.8	4.5	200
HSG	21.2	8,820,555	4	KHẢ QUAN	10,462	3.0	0.9	187
NKG	29.75	5,682,700	4	KHẢ QUAN	6,527	2.6	1.0	169
TPB	31.9	3,156,220	4	KHẢ QUAN	50,458	9.6	1.8	101
REE	80.2	1,149,090	4	KHẢ QUAN	28,504	13.4	2.1	92
TNG	30.9	2,571,685	4	KHẢ QUAN	2,864	10.6	2.0	79
GAS	108.4	645,445	4	KHẢ QUAN	207,472	21.2	3.8	70
HQC	5.69	11,169,855	4	KHẢ QUAN	2,712	651.1	0.6	64
CMX	19.45	2,067,395	4	KHẢ QUAN	1,766	13.1	1.6	40
CTD	49	713,225	4	KHẢ QUAN	3,619	#N/A N/A	0.4	35
NVL	78.9	2,947,570	3	TRUNG TÍNH	153,833	36.4	4.2	233
HAG	9.3	12,864,955	3	TRUNG TÍNH	8,625	16.8	1.9	120
VCG	27.45	3,718,705	3	TRUNG TÍNH	12,125	14.5	1.8	102
ITA	12.05	7,734,720	3	TRUNG TÍNH	11,307	51.2	1.0	93
VIX	12.8	5,133,990	3	TRUNG TÍNH	7,030	6.2	1.1	66
LDG	13.35	4,241,550	3	TRUNG TÍNH	3,197	23.5	1.0	57
VGC	40.1	1,104,010	3	TRUNG TÍNH	17,979	10.9	2.3	44
VGT	19.5	2,029,180	3	TRUNG TÍNH	9,750	12.4	1.4	40
SSI	28.8	15,836,855	2	TRUNG TÍNH	28,592	9.5	1.9	456
VHM	67.6	4,607,955	2	TRUNG TÍNH	295,662	7.7	2.3	311
GEX	23.2	13,044,860	2	TRUNG TÍNH	19,755	17.2	1.6	303
VND	24.8	10,580,780	2	TRUNG TÍNH	30,203	7.2	1.9	262
DXG	27.55	8,265,035	2	TRUNG TÍNH	16,737	18.3	1.8	228
NLG	47	3,304,110	2	TRUNG TÍNH	17,998	24.7	2.0	155
FRT	121.8	1,087,290	2	TRUNG TÍNH	9,620	16.7	5.3	132
MSN	110.5	1,128,735	2	TRUNG TÍNH	156,539	15.7	5.7	125
ACB	30	3,226,715	2	TRUNG TÍNH	81,058	7.8	1.7	97
VCB	77	1,130,365	2	TRUNG TÍNH	364,404	15.9	3.1	87
VJC	125.7	581,125	2	TRUNG TÍNH	68,081	347.8	4.0	73
TCH	13.55	4,260,390	2	TRUNG TÍNH	9,054	17.1	1.0	58
SCR	13.25	4,288,745	2	TRUNG TÍNH	4,854	23.2	1.0	57
PLX	41.4	1,319,415	2	TRUNG TÍNH	52,603	21.2	2.1	55
PC1	34.65	1,310,175	2	TRUNG TÍNH	8,148	10.7	1.7	45
TTF	9.57	4,600,555	2	TRUNG TÍNH	3,766	68.9	9.5	44
POW	13.4	11,617,855	1	TRUNG TÍNH	31,381	15.6	1.1	156
VPI	61.3	1,187,310	1	TRUNG TÍNH	13,486	33.3	4.4	73
VPB	31.5	13,242,800	0	TRUNG TÍNH	140,032	8.1	1.6	417
VHC	100.5	1,872,295	0	TRUNG TÍNH	18,286	12.1	2.9	188

<b>GMD</b>	54.5	2,655,650	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	16,425	24.2	2.5	145
<b>ANV</b>	47.05	1,735,830	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,981	22.0	2.4	82
<b>KDH</b>	40.9	1,127,065	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	26,296	21.8	2.5	46
<b>SBT</b>	16.25	2,206,865	<b>0</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	10,224	14.2	1.2	36
<b>VIC</b>	77.7	2,249,245	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	296,343	#N/A N/A	2.8	175
<b>HAH</b>	79.7	1,967,705	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,443	9.9	3.3	157
<b>BVH</b>	52.8	1,882,210	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	39,195	20.6	1.8	99
<b>MIG</b>	27.9	2,431,475	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	3,990	15.7	2.2	68
<b>VSC</b>	46.25	1,457,510	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	5,099	15.3	1.9	67
<b>BID</b>	34.9	1,382,205	<b>-2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>	176,542	15.4	2.0	48
<b>FLC</b>	6.66	12,317,050	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	4,729	#N/A N/A	0.5	82
<b>PVX</b>	5.1	7,225,015	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	2,040	28.2	7.3	37
<b>BCM</b>	74.6	474,495	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	77,211	62.7	4.7	35
<b>VPG</b>	46.2	739,050	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	3,368	6.4	2.2	34
<b>PDR</b>	52.8	2,349,325	<b>-5</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	35,463	19.0	4.9	124
<b>ROS</b>	4.4	11,121,950	<b>-5</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	2,497	26.3	0.4	49
<b>HPG</b>	34.45	21,296,430	<b>-7</b>	<b>TIÊU CỰC</b>	154,092	4.6	1.6	734

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### **MWG: tăng vốn cho công ty con mới thành lập lên gần 14.000 tỷ đồng để mua cổ phần Bách Hóa Xanh**

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Bách Hóa Xanh thêm 13.890 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong tháng 5. Mục đích tăng vốn để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh và phục vụ kế hoạch kinh doanh. Đồng thời, HĐQT MWG cũng thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn Công ty cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh (chủ sở hữu chuỗi bán lẻ thực phẩm Bách Hóa Xanh) cho Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Bách Hóa Xanh. Số lượng cổ phần chuyển nhượng 1,28 tỷ đơn vị, giá 12.825 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện trong tháng 5 và 6. Doanh nghiệp mới thành lập Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Bách Hóa Xanh vào tháng 5 với vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng. Sau khi MWG đầu tư thêm, vốn công ty này sẽ tăng lên 13.900 tỷ đồng. Mục tiêu thành lập công ty con này là mua lại cổ phần chuỗi Bách Hoa Xanh, mở đường cho chuỗi tiến hành chào bán riêng lẻ và IPO. Theo kế hoạch, chuỗi thực phẩm Bách Hóa Xanh sẽ phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư với tỷ lệ tối đa 20%, thời điểm thực hiện trong giai đoạn 2022-2023.

### **PGC: chốt quyền trả cổ tức 14% bằng tiền**

Tổng Công ty Gas Petrolimex (HoSE: PGC) thông báo 30/5 là ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 14%, tương đương 1.400 đồng/cp. Với hơn 60,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp cần chi trả gần 84,5 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông. Ngày thanh toán là 29/6.

### **TTL: SCIC muốn bán đấu giá 25% cổ phần tại Tổng công ty Thăng Long, khởi điểm gần 195 tỷ đồng**

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hiện đang tìm đại lý đấu giá cổ phần của Tổng công ty Thăng Long (HNX: TTL) do Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) sở hữu. Theo đó, SCIC dự kiến đấu giá cả lô 10,5 triệu cổ phiếu TTL của Tổng công ty Thăng Long với giá khởi điểm 194,57 tỷ đồng, tương đương 18.530 đồng/cổ phiếu, cao hơn gần 23% thị giá của TTL trên thị trường chứng khoán. Số lượng cổ phiếu này chiếm 25% vốn điều lệ của Tổng công ty Thăng Long. Một cổ đông lớn khác của TTL là Công ty Cổ phần Tasco (HNX: HUT) với tỷ lệ sở hữu là 38,6%. Phiên đấu giá này dự kiến được tổ chức vào ngày 21/6 tới đây

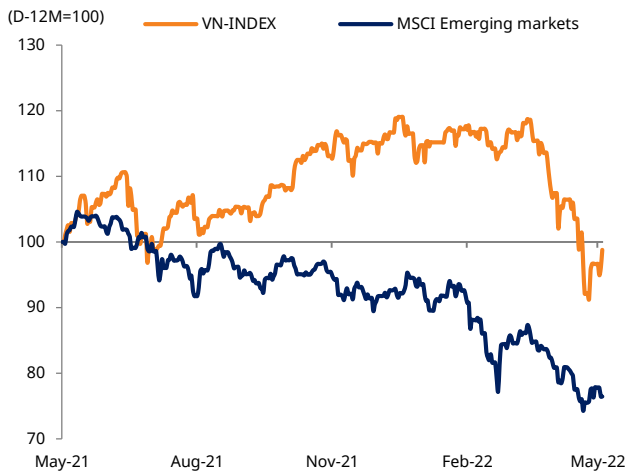
### **FMC: Lợi nhuận quý II tăng ít nhất 20%**

Trong văn bản giải trình gửi Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và cổ đông, ông Phạm Hoàng Việt, Tổng giám đốc Thực phẩm Sao Ta (Fimex, HoSE: FMC), một đơn vị thành viên của Tập đoàn PAN, cho biết thị trường chứng khoán Việt Nam thời gian qua có nhiều biến động, giá cổ phiếu giảm gây thiệt hại cho nhà đầu tư, cổ đông. Sự biến động có tác động từ tình hình thế giới đầy bất thường và lạm phát

đe dọa. Cổ phiếu FMC cũng có nhiều biến động giảm, tăng, hoàn toàn do tác động từ thị trường, ngoài ý chí ban điều hành. CEO Sao Ta đánh giá nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi tốt và tâm thế ổn định. Với riêng Sao Ta, vị CEO tiết lộ hoạt động chế biến xuất khẩu và nuôi tôm đều diễn ra thuận lợi với nhiều tín hiệu tốt, khả năng quý II sẽ vượt mức lợi nhuận ít nhất 20% so với cùng kỳ năm trước. Đây là nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp hoàn thành toàn diện kế hoạch năm nay. Công ty mới công bố doanh số chung tháng 4 đạt 18,9 triệu USD (~435 tỷ đồng), tăng 10% so tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng, doanh số tiêu thụ đạt 77,6 triệu USD (~1,785 tỷ đồng), tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Sao Ta cho rằng tháng 4 không có đột biến trong hoạt động do giai đoạn giao thời mùa vụ nguyên liệu. Song, từ tháng 5, hoạt động của công ty sẽ khởi sắc rõ nét, nhất là mảng nông sản tới thời điểm giao hàng hàng loạt và tôm từ trại nuôi tập trung thu hoạch, sản lượng tôm chế biến và tiêu thụ cũng kỳ vọng tăng mạnh.

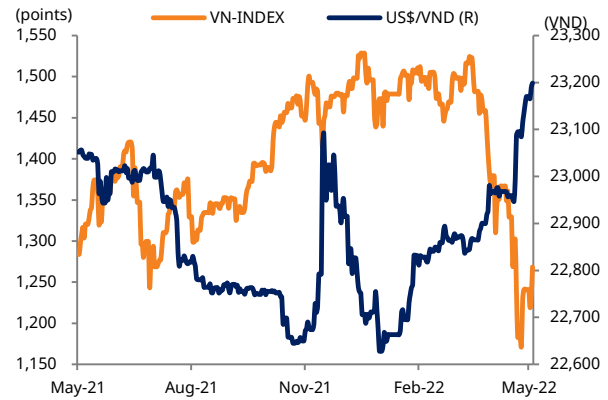


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



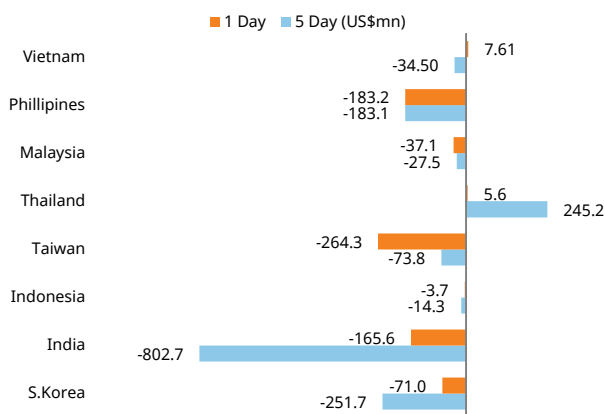
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



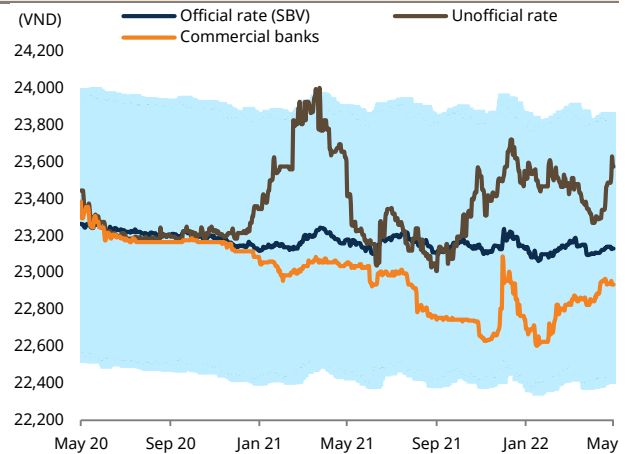
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



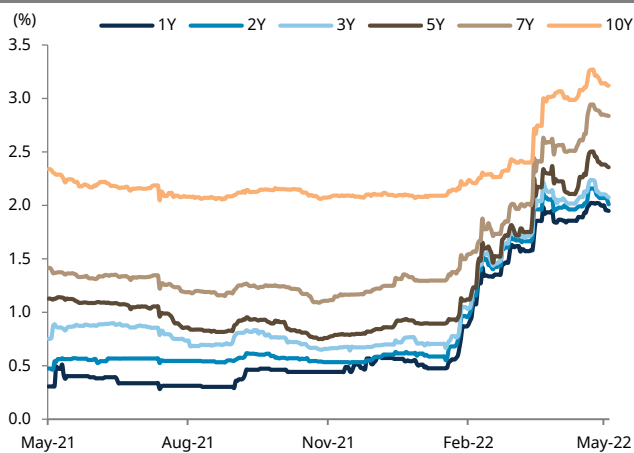
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



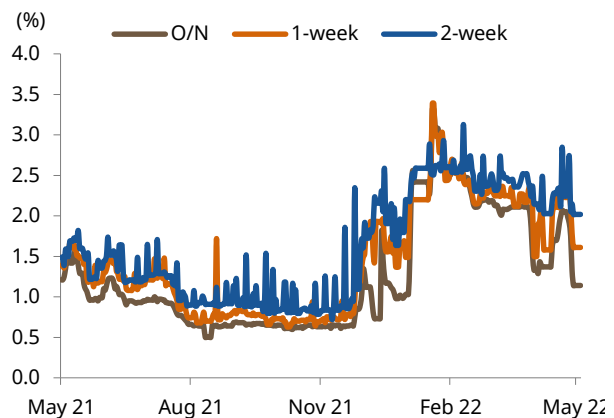
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,310.70</b>	<b>3,372,490</b>		<b>3.0</b>	<b>2.2</b>	<b>-4.1</b>	<b>-9.2</b>	<b>12.3</b>	<b>10.6</b>	<b>2.3</b>	<b>1.9</b>	<b>38.5</b>	<b>16.1</b>	<b>19.6</b>	<b>21.3</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	30,000	81,058	30.0	4.2	3.3	-1.6	-1.3	8.6	6.5	1.8	1.4	24.6	32.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	34,900	176,542	16.8	3.4	1.2	-2.6	-6.0	20.2	13.4	2.1	1.9	50.3	50.6	11.0	16.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	52,800	39,195	26.3	3.7	5.2	-9.9	-4.3	20.7	17.7	1.8	1.7	21.8	16.6	9.2	10.2
VietinBank	CTG VN	26,900	129,275	26.0	3.5	3.9	-1.6	-32.1	9.2	6.0	1.4	1.2	18.2	53.5	15.8	20.3
FPT Corp	FPT VN	105,000	95,991	49.0	6.9	7.7	1.5	28.7	24.1	21.8	5.3	4.6	21.5	10.7	23.4	26.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	108,400	207,472	2.9	2.5	3.7	3.7	30.8	24.9	17.5	4.1	3.7	8.1	42.1	16.8	20.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,350	101,400	0.5	5.0	7.0	-7.7	-6.1	24.4	19.1	2.1	#N/A	10.3	27.9	8.7	10.8
HDBank	HDB VN	25,650	51,613	16.4	4.3	5.3	8.9	-1.3	8.4	7.0	1.8	1.4	42.5	21.2	23.3	22.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	34,450	154,092	21.3	-1.3	-8.5	-15.5	-31.0	4.8	5.0	1.7	1.3	151.5	-3.6	42.8	31.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	40,900	26,296	32.6	2.0	-1.2	-11.1	21.4	22.8	19.0	2.6	2.2	3.1	20.3	12.2	13.3
MBBank	MBB VN	28,050	105,982	23.2	4.5	3.9	-0.2	5.8	8.3	6.8	1.8	1.4	53.0	23.6	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	110,500	156,539	28.7	1.4	2.5	-4.7	16.7	18.2	27.3	4.8	4.1	589.7	-33.1	35.1	16.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	139,000	101,751	49.0	4.5	3.7	-4.1	42.8	20.2	15.5	4.9	4.1	18.2	29.7	27.3	27.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,900	153,833	6.4	2.2	1.4	-1.5	3.5	43.4	26.7	4.3	3.7	-18.7	62.4	10.6	15.6
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,800	35,463	2.3	-0.8	-1.9	-14.8	-5.1	19.7	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,400	52,603	17.2	3.5	2.2	-11.2	-26.3	23.2	15.3	2.1	1.6	160.6	51.3	9.7	13.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	115,400	27,969	52.2	7.0	8.9	7.9	13.2	27.5	18.8	4.4	3.3	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,400	31,381	2.1	4.3	4.7	7.6	12.6	17.7	17.7	1.1	1.0	-24.2	-0.1	6.2	5.9
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	154,000	98,757	62.7	0.0	-1.6	-2.8	-2.5	28.0	22.7	4.7	4.2	-22.9	23.1	17.1	19.5
SSI Securities Corp	SSI VN	28,800	28,592	35.8	2.5	1.2	-14.2	6.6	11.1	10.4	2.0	#N/A	100.3	6.7	21.0	22.5
Sacombank	STB VN	22,750	42,889	20.6	4.6	5.3	-15.1	-22.5	14.0	8.1	1.3	1.1	30.6	72.1	9.5	12.9
Techcombank	TCB VN	36,500	128,148	22.5	3.5	2.2	-11.1	-29.3	7.1	6.0	1.4	1.1	46.1	19.0	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	31,900	50,458	29.9	3.2	1.6	-7.5	22.7	9.9	#N/A	1.9	1.6	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	77,000	364,404	23.5	1.9	2.3	-5.9	-1.6	18.4	13.9	3.3	2.7	19.7	32.1	19.6	21.1
Vinhomes JSC	VHM VN	67,900	295,662	23.3	1.5	1.6	7.8	-15.6	7.5	8.8	2.4	1.9	40.9	-14.9	36.9	23.6
Vingroup JSC	VIC VN	77,700	296,343	12.5	0.1	-0.1	2.0	-28.5	#N/A	123.9	2.9	2.9	-145.6	191.6	-2.8	2.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,700	68,081	16.8	0.3	0.3	-4.0	10.9	904.3	55.4	4.0	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,900	150,268	54.4	4.4	5.6	-2.2	-20.6	15.9	16.0	4.5	4.3	-5.3	-0.8	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	31,500	140,032	17.5	5.0	2.9	-8.0	-15.1	11.9	7.2	1.8	1.4	11.6	65.3	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,450	66,920	30.9	4.8	7.7	1.4	-5.6	51.0	27.4	2.2	2.1	-44.8	85.8	4.4	7.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
<b>VN-Index</b>	<b>35.05</b>	<b>4,891,360</b>	<b>2.8</b>	<b>2.2</b>	<b>-3.2</b>	<b>-3.1</b>	<b>35.3</b>	<b>17.6</b>	<b>14.7</b>	<b>12.5</b>
Ô tô và phụ tùng	0.02	8,953	1.1	0.4	3.2	16.9	-0.1	11.9	14.9	13.3
Ngân hàng	12.36	1,543,705	3.3	2.6	-4.7	-6.6	33.7	34.7	11.2	8.3
Xây dựng cơ bản	2.99	252,644	4.9	3.3	1.0	44.4	20.3	23.3	15.0	12.1
Dịch vụ thương mại	0.01	5,301	0.4	-0.6	1.2	20.4	-5.1	12.5	15.7	14.0
May mặc và trang sức	0.62	54,026	4.7	5.6	-0.6	17.1	11.4	40.4	20.5	14.6
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	7,549	1.2	1.0	-6.5	5.4	244.8	584.6	144.3	21.1
Dịch vụ tài chính	1.24	126,636	4.0	1.7	-11.5	13.7	139.0	8.6	8.3	7.7
Dầu khí	0.79	74,208	4.3	3.6	-4.5	-12.2	83.2	51.4	21.7	14.3
Thực phẩm, đồ uống	3.36	527,103	2.6	3.5	-2.3	9.4	26.1	7.6	20.2	18.8
Y tế	0.03	3,207	4.5	3.1	-6.8	58.6	45.2	36.6	26.5	19.4
Bảo hiểm	0.46	52,931	3.6	5.3	-8.5	9.8	27.1	10.6	17.8	16.1
Nguyên vật liệu	2.41	429,355	2.4	0.3	-9.2	23.5	118.7	-12.8	7.6	8.8
Dược phẩm	0.08	30,170	1.0	1.3	-3.3	5.6	9.1	4.7	16.6	15.9
Bất động sản	4.55	1,130,264	1.6	1.2	1.4	-3.6	7.8	14.2	20.7	18.1
Bán lẻ	1.29	119,392	4.5	4.3	-4.5	67.7	33.8	26.8	19.6	15.5
Phần mềm và dịch vụ	1.67	103,359	6.8	7.2	1.0	31.6	22.6	19.3	24.3	20.3
Vận tải	0.95	189,927	2.0	1.2	-3.5	24.3	-1.5	76.2	#N/A	#N/A
Tiện ích	2.05	340,058	2.5	3.0	2.7	26.3	10.1	-13.8	19.2	22.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VPB VN	31,500	5.0	12,839,500	1.7
VCB VN	77,000	1.9	817,000	1.7
VNM VN	71,900	4.4	2,362,100	1.6
FPT VN	105,000	6.9	3,770,800	1.6
BID VN	34,900	3.4	1,066,800	1.5
GAS VN	108,400	2.5	764,900	1.3
GVR VN	25,350	5.0	2,615,100	1.2
MBB VN	28,050	4.5	10,916,300	1.2
MWG VN	139,000	4.5	1,558,000	1.1
TCB VN	36,500	3.5	6,709,700	1.1

Nguồn: Bloomberg

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	34,450	-1.3	39,418,000	-0.5
PDR VN	52,800	-0.8	2,395,400	-0.1
PDN VN	107,300	-6.3	1,300	0.0
ROS VN	4,400	-3.5	15,291,100	0.0
STG VN	30,100	-2.3	16,000	0.0
LGC VN	42,000	-0.7	600	0.0
TDP VN	25,200	-3.1	5,600	0.0
TMP VN	61,400	-1.0	2,600	0.0
TNC VN	40,300	-4.7	1,000	0.0
S4A VN	35,000	-2.5	1,100	0.0

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.